

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 11-01-2023

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

*Các Thẩm phán:* bà Trịnh Thị Phúc

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2022/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1997; địa chỉ: số 31 ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* anh Phạm Đức T, sinh năm 1994; địa chỉ thường trú: xóm 1, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: số 116 đường D8, Ấp A, xã L, huyện C1, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, anh Phạm Đức T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày:*

Chị và anh Phạm Đức T chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 08/10/2018. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh

T không quan tâm chăm lo cho gia đình, bỏ mặc chị khi đang mang thai và nuôi con nhỏ. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị và anh T có hai con chung tên Phạm Đức T1, sinh ngày 06/12/2018 và Phạm Đức T2, sinh ngày 24/12/2019, hai con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, anh Phạm Đức T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim Y về tình trạng hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn. Bởi vì, từ tháng 6/2021, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài, thực hiện chủ trương giãn cách xã hội, công ty của anh áp dụng phương án làm việc 03 tại chỗ, nên anh không về thăm vợ con. Trong thời gian đó, anh vẫn chăm lo kinh tế cho gia đình. Sau khi hết giãn cách xã hội, anh vẫn về thăm con bình thường. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do chị Y có quan hệ bất chính với người đàn ông khác. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Y.

Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Phạm Đức T1 và Phạm Đức T2, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xử:

*1. Về hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Phạm Đức T.*

*2. Về con chung: giao con chung Phạm Đức T1, sinh ngày 06/12/2018 và Phạm Đức T2, sinh ngày 24/12/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim Y tiếp tục nuôi dưỡng.*

*3. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận tạm thời anh Phạm Đức T không cấp dưỡng nuôi con chung.*

*4. Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/10/2022, bị đơn, anh Phạm Đức T kháng cáo yêu cầu được quyền nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Anh Phạm Đức T trình bày: chị Y không quan tâm chăm sóc con chung mà giao con cho mẹ và chị ruột chăm sóc. Chưa ly hôn mà chị Y đã có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, không đảm bảo chuẩn mực đạo đức của người mẹ, người vợ. Anh có việc làm và thu nhập ổn định đảm bảo cho việc chăm sóc hai con chung.

Chị Nguyễn Thị Kim Y trình bày: chị không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh T. Hiện nay, chị có nơi ở ổn định và có thu nhập từ việc buôn bán, hai con đang có môi trường sống ổn định với chị, các con còn được mẹ và chị ruột của chị hỗ trợ chăm sóc. Anh T đang ở trọ, không có nơi ở ổn định, nếu giao con cho anh T nuôi thì anh T sẽ đem con về tỉnh Thanh Hóa sinh sống, việc thay đổi môi trường sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của các con và gây khó khăn cho chị khi thực hiện quyền thăm nom con. Hiện các con còn rất nhỏ nên chị chăm sóc con sẽ đảm bảo tốt hơn anh T.

**Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T trầm trọng, cấp sơ thẩm cho ly hôn là có căn cứ. Chị Y và anh T đều có việc làm, thu nhập ổn định, nhưng hiện nay anh T đang ở trọ. Cháu T1 và T2 đang sống cùng chị Y, được chăm sóc tốt, không bị ngược đãi. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí hôn nhân và gia đình do chị Y và anh T đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của bị đơn, anh Phạm Đức T thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về quyền trực tiếp nuôi con. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Chị Y và anh T thừa nhận có hai con chung tên Phạm Đức T1, sinh ngày 06/12/2018 và Phạm Đức T2, sinh ngày 24/12/2019. Từ tháng 6/2021 cho đến nay, chị và anh không còn chung sống, chị Y là người trực tiếp nuôi con chung.

[3] Xét nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của chị Y và anh T: hồ sơ vụ án và trình bày của hai đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện chị Y và anh T có thu nhập, đảm bảo cho sự nuôi dưỡng con chung (bút lục số 58).

[4] Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: anh T hiện nay làm công nhân và đang ở trọ; hồ sơ vụ án thể hiện anh T xác định nếu được giao quyền trực tiếp nuôi con, anh sẽ đưa hai con về quê ở tỉnh Thanh Hóa sinh sống và nhờ gia đình bên anh hỗ trợ chăm sóc (bút lục số 58). Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, từ sau khi chị Y và anh T không còn sống chung, hai Cháu T1 và T2 do chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển mạnh khỏe. Anh T không chứng minh được chị Y chăm sóc con không tốt hoặc có hành vi ngược đãi con chung. Nếu giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi nghiêm trọng môi trường sống hiện tại của các bé và có khả năng ảnh hưởng đến việc thăm nom, chăm sóc,

giáo dục con chung của chị Y. Việc tiếp tục giao con chung cho chị Y trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

[5] Từ nhận định tại mục [3], [4], không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, chị Y và anh T đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, chỉ còn tranh chấp về quyền nuôi con chung (các bút lục số 54, 57). Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục 11 của Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí. Ngoài ra, vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không cần thiết phải ghi trong phần quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: anh T phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 27 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Đức T.

3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 127/2022/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An về án phí.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim Y về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” với anh Phạm Đức T.

5. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim Y và anh Phạm Đức T.

6. Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim Y được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Đức T1, sinh ngày 06/12/2018 (ngày sáu tháng mười hai năm hai nghìn không trăm mười tám) và Phạm Đức T2, sinh ngày 24/12/2019 (ngày hai mươi bốn tháng mười hai năm hai nghìn không trăm mười chín).

7. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Kim Y tạm thời không yêu cầu anh Phạm Đức T cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

8. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

8.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

8.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013319 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, nên hoàn trả cho chị Y số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng. Buộc anh Phạm Đức T phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc anh Phạm Đức T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001124 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Anh T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

11. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

12. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 11/01/2023 (ngày mười một tháng một năm hai nghìn không trăm hai mươi ba)/.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Ngọc Hoàng Đình Thục**